

BẢO HIỂM TIỀN GỬI

VỚI MỤC TIÊU THU HÚT NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG

TS. Mai thị Trúc Ngân*

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế để đạt được mô hình hợp lý, đảm bảo thúc đẩy kinh tế Việt Nam phát triển là một trong những vấn đề chủ yếu mà Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm.

Để thực hiện được nội dung này cần huy động nhiều nguồn lực mà quan trọng nhất là vốn. Trong tổng nguồn vốn đầu tư phát triển thì vốn trong nước chiếm khoảng 70% - 75%, trong đó vốn ngân sách chỉ đảm đương khoảng 25% còn lại là các nguồn vốn khác. Một trong các nguồn vốn quan trọng góp phần phát triển kinh tế là vốn tiềm tàng trong dân cư được huy động qua các định chế tài chính, các tổ chức tín dụng.

Nguồn vốn huy động tăng ngoài việc đáp ứng vốn đầu tư cho toàn xã hội còn nhằm giảm thiểu lượng tiền mặt trong lưu thông đảm bảo thực hiện tốt các chính sách vĩ mô về tiền tệ của Nhà nước.

Quán triệt mục tiêu chiến lược là huy động tối đa nguồn lực trong nước, các tổ chức tín dụng (TCTD) trong những năm qua đã có nhiều giải pháp nhằm tăng cường thu hút nguồn vốn nhàn rỗi từ các tổ chức và dân cư như: Tổ chức nhiều hình thức huy động mới; tuyên truyền, quảng bá rộng rãi các hoạt động dịch vụ của ngân hàng; quan tâm cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Các giải pháp này đã mang lại hiệu quả tích cực cho hoạt động huy động vốn. Theo số liệu của ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổng nguồn vốn huy động của toàn ngành đã tăng từ 19,8 nghìn tỷ đồng năm 1991 lên 191,5 nghìn tỷ đồng vào năm 2000 và đến giữa năm 2004 đã đạt mức gần 400 nghìn tỷ

đồng. Trong tổng số đó thì huy động có thời hạn chiếm đến 65%, và trong huy động có thời hạn thì vốn của các tổ chức kinh tế chỉ chiếm khoảng 20%-25% còn lại là của dân cư. Điều đó chứng tỏ vốn tiềm tàng trong dân cư rất lớn.

Để thu hút nhiều hơn nữa nguồn vốn tiềm ẩn này, ngoài những giải pháp trên, các TCTD cần tạo sự an tâm cho người gửi tiền. Khi xa rời vốn liếng, của cải một thời gian để gửi vào các TCTD, dù đã “chọn mặt gửi vàng” nhưng khách hàng vẫn cảm thấy lo sợ trước những biến động thường xuyên của nền kinh tế. Họ chỉ an tâm khi biết chắc chắn khoản tiền của mình được bảo toàn và được hoàn lại đúng hạn cả vốn lẫn lãi.

Nhằm giải tỏa băn khoăn này, ngày 01/9/1999, Chính phủ đã ký nghị định 89/1999/NĐ-CP về bảo hiểm tiền gửi và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có thông tư số 03/2000/TT-NHNN5 ngày 16/03/2000 để hướng dẫn thi hành nghị định trên. Hai văn bản này đã quy định: Đối tượng và phạm vi điều chỉnh của nghị định, các loại tiền gửi được bảo hiểm, thủ tục các tổ chức đăng ký tham gia bảo hiểm, việc hỗ trợ, xử lý khi các tổ chức tham gia có nguy cơ mất khả năng chi trả và quan trọng hơn hết là quy định mức tối đa chi trả khi có sự cố. Nghị định còn bắt buộc các TCTD hoặc các tổ chức tài chính được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng có nhận tiền gửi của cá nhân phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Các quy định trên nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD và bảo đảm sự phát triển an toàn lành mạnh cho hoạt động tài chính – ngân hàng, giúp cho hoạt động ngân hàng ngày càng gần hơn với các thông lệ quốc tế.

Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM ()*

Tuy nhiên, một số nội dung trong nghị định 89/1999/NĐ-CP và thông tư 03/2000/TT-NHNN5 cũng cần bàn lại :

1. Về các loại tiền được tham gia bảo hiểm: Theo điều 3 của nghị định 89 và mục II của thông tư 03 đã nói rõ :”Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng Đồng Việt Nam của các cá nhân tại các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi”.

Quy định này thật sự chưa phù hợp với hoạt động huy động vốn của các TCTD. Trong các năm gần đây, diễn biến trên thị trường ngoại hối rất phức tạp, giá vàng và ngoại tệ tăng vọt: tốc độ tăng giá vàng trong 2 năm qua mỗi năm xấp xỉ 20%, ngoại tệ (USD, EUR) năm 2001 tăng 3,8%, năm 2002 tăng 2,1%, năm 2003 tăng 1,65 %, năm 2004 tăng 1,02% đã tạo tâm lý cho người Việt Nam thích cất giữ vàng và ngoại tệ hơn đồng bản địa. Do vậy tiền gửi bằng ngoại tệ và vàng trong dân cư cũng tăng vọt trong các năm gần đây: Thật vậy, các số liệu về tiền gửi cho thấy, nếu năm 1996 tiền gửi bằng ngoại tệ và vàng chiếm 24% trong tổng nguồn huy động thì đến tháng 6 năm 2004 đã chiếm khoảng xấp xỉ 35%. Đây là nguồn rất quan trọng cho hoạt động ngoại hối và thanh toán quốc tế của các TCTD. Thế nhưng trong bảo hiểm tiền gửi còn có sự phân biệt, chỉ mới bảo hiểm cho tiền gửi bằng VND, điều này chưa khuyến khích và tận dụng vốn nhàn rỗi trong dân cư. Do vậy, quy định trên cần được xem xét, chỉnh sửa lại: tiền gửi bằng ngoại tệ và vàng cũng phải được bảo hiểm như tiền gửi bằng VND.

Cạnh đó, quy định này còn bó hẹp ở chỗ chỉ mới bảo đảm cho tiền gửi của cá nhân chứ chưa “ngó ngang” gì đến tiền gửi của các đơn vị, các tổ chức kinh tế trong khi, tiền gửi của các thành phần này chiếm tỷ lệ không nhỏ (35%- 40%) tổng vốn huy động toàn ngành.

Đành rằng các đơn vị, tổ chức kinh tế khi gửi tiền vào ngân hàng không phải vì mục đích sinh lợi mà để thuận lợi trong thanh toán cũng như trong quan hệ tín dụng. Nhưng các tổ chức, doanh nghiệp vẫn có thể cất giữ số lượng lớn tiền mặt nếu thấy việc gửi tiền

không có sự bảo đảm an toàn. Do vậy, thiết nghĩ, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước cũng cần xem xét mở rộng hơn nữa các loại tiền gửi được bảo hiểm, trong đó chú trọng tiền gửi của các tổ chức. Nếu chưa bảo đảm được toàn bộ các loại tiền gửi của tổ chức thì trước mắt nên quy định bảo đảm cho loại tiền gửi có kỳ hạn, vì loại này chiếm tỷ trọng thấp trong tổng tiền gửi của tổ chức kinh tế và khi gửi không nhằm mục đích thanh toán.

2. Đối với mức bảo hiểm tối đa: Điều 4 của nghị định 89 và khoản 4b của mục VI trong thông tư 03 quy định “Mức tiền tối đa mà một người gửi tiền tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trả là 30 triệu đồng (gồm cả gốc và lãi).

Mức quy định này là quá thấp nếu so với mức bảo hiểm ở một số nước trên thế giới : như ở Đức và các nước Bắc Âu mức bảo đảm cho tiền gửi là 30.000 USD (470 triệu VND) còn ở Pháp mức này lại đến 80.000 USD (1,25 tỷ VND).

Biết rằng, khi xây dựng ngưỡng này Chính phủ ta cũng đã có sự cân nhắc trên mức thu nhập của dân cư để chọn con số hợp lý. Thật vậy, nếu GDP bình quân đầu người/ năm của Việt Nam năm 2000 là 400 USD thì 30 triệu đồng tương đương 2.000 USD bằng cả 5 năm thu nhập của một người có mức thu nhập trung bình. Thế nhưng, cần thấy rằng ở các TP lớn hiện nay mức thu nhập của dân cư đã trên 1.000 USD/người/năm, thậm chí có nơi gần 2.000 USD (TP. HCM), vì vậy nếu thử điếm qua các khoản tiền gửi của dân cư trong các TCTD thì thấy mức phổ biến thường từ trên 50 triệu đến 100 triệu.

Do vậy cần sửa đổi lại mức bảo hiểm tối đa cho phù hợp với tình hình trên. Nếu không dân cư vẫn có thể vận dụng bằng cách chia nhỏ số tiền gửi (bằng với mức bảo hiểm tối đa) để gửi ở nhiều TCTD khác nhau. Hậu quả là các TCTD vẫn phải bảo đảm toàn bộ tiền mà dân cư gửi nhưng lại gây sự phiền hà vì khách hàng phải giao dịch nhiều nơi. Thế nhưng mức bảo hiểm tối đa là bao nhiêu thì tương đối phù hợp? Trước mắt có thể nâng mức bảo hiểm lên từ 200% đến 250% tức

khoảng từ 60 triệu đến 75 triệu cho khoản tiền gửi của một khách hàng tại một TCTD là hợp lý vì một chủ trương chính sách suy cho cùng phải phù hợp với quyền lợi của đại đa số dân cư.

3. Một vấn đề nữa cũng cần bàn, đó là nên chăng cần tăng mức bảo hiểm tiền gửi đối với các khoản huy động dài hạn.

Thực trạng hiện nay trong cơ cấu vốn huy động của toàn ngành ngân hàng thì vốn trung, dài hạn (TDH) chỉ chiếm khoảng 20%, trong đó chủ yếu là huy động 13 tháng - 18 tháng, các khoản huy động dài hạn (trên 5 năm) hầu như không có. Trong khi đó dư nợ TDH lại chiếm đến 40% tổng dư nợ toàn ngành. Để giải quyết tình trạng trên Thống đốc NHNN đã cho phép các TCTD sử dụng 30% vốn huy động ngắn để cho vay TDH. Tuy nhiên đây cũng chỉ là giải pháp tình thế vì việc vận dụng này khiến các ngân hàng phải đối mặt với hai bất trắc là rủi ro về thanh khoản và rủi ro về lãi suất. Do vậy, việc tìm các giải pháp để thu hút nguồn vốn TDH là vấn đề luôn được các TCTD quan tâm. Thời gian gửi tiền càng dài thì khách hàng càng không an tâm trước những biến động của nền kinh tế. Cần có sự ưu đãi hơn đối với các khoản tiền gửi dài hạn để thu hút khách hàng. Bên cạnh các giải pháp về lãi suất, về khuyến mãi,... thiết nghĩ việc tăng mức bảo hiểm tiền gửi cũng là một

trong các giải pháp cần thiết. Các khoản gửi trên 5 năm nên có mức bảo hiểm thấp nhất là 100 triệu cho một khách hàng tại một TCTD. Điều này cũng phù hợp với thực tế vì đối với các khách hàng gửi tiền dài hạn vì mục đích hưởng lãi chứ không thích đầu tư trực tiếp vào các lĩnh vực khác thì họ thường dốc hết vốn liếng để gửi nên số tiền không phải là nhỏ.

Thế nhưng, để thực hiện được điều này thì Bảo hiểm tiền gửi cũng phải tính toán lại mức phí bảo hiểm đối với TCTD cho loại tiền gửi dài hạn. Đương nhiên phí sẽ cao hơn, nhưng vì lợi ích của các bên, có lẽ các TCTD cũng sẵn sàng tham gia để có cơ sở vững chắc thu hút vốn TDH.

Sự cố rút tiền gửi trước kỳ hạn hàng trăm tỷ đồng vào tháng 10/2003 ở ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu bắt nguồn từ các tin đồn thất thiệt cho thấy dân cư ta vẫn chưa thật tin tưởng vào hoạt động của ngân hàng. Khách hàng vẫn luôn nơm nớp lo sợ các sự đổ vỡ diễn ra trong hoạt động tài chính - ngân hàng như những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ trước. Vì vậy, bên cạnh việc mở rộng mạng lưới thông tin cung cấp cho khách hàng nắm được các quy định về quyền lợi của họ, cũng cần sửa đổi các quy định về bảo hiểm tiền gửi để tạo sự an tâm hơn nữa cho người gửi tiền, qua đó tăng nguồn vốn huy động đáp ứng nhu cầu xây dựng, phát triển đất nước. ■

